TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **Thành phố Hồ Chí Minh**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2017/DS -ST
Ngày: 13-9-2017
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế và chia tài sản thuộc sở hữu chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Hoàng

Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Qúi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2013/TLST- DS ngày 11 tháng 3 năm 2013 về " Tranh chấp chia di sản thừa kế và chia tài sản thuộc sở hữu chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 443/2017/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị P; sinh năm: 1953; HKTT: 193/8B VT, Phường H, Quận F, TP. Hồ Chí Minh; tạm trú tại: 193/61 VT, Phường H, Quận F (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Hùng H; sinh năm: 1964; cư trú tại:147A VT, Phường H, Quận F, TP. Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc N; sinh năm: 1966; HKTT: 424/14/1C NĐC, Phường D, Quận C, TP. Hồ Chí Minh; tạm trú: 203 VT, Phường H, Quận F, TP. Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị C; sinh năm: 1941 (chết năm 1996)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị C gồm:

1.1. Bà Lê Thị Ánh T; sinh năm: 1964; cư trú tại: 30 ấp CB 1, phường TT, Quận B, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

1.2. Bà Nguyễn Thị N; sinh năm: 1967; cư trú tại: 431C tổ 6, ấp 1B, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

1.3. Ông Nguyễn Văn C; sinh năm: 1934; cư trú tại: A28/23 tổ 5, ấp 1, xã BH, huyện BC, TP. Hồ Chí Minh

1.4. Ông Nguyễn Văn T1; sinh năm: 1978

1.5. Bà Nguyễn Thị B; sinh năm: 1981

Cùng cư trú tại: A1/8/4D ấp 1, xã ĐP, huyện BC, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T1; sinh năm: 1978; cư trú tại: A1/8/4D ấp 1, xã ĐP, huyện BC, TP. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 8 năm 2013) (Ông T1 có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T2 - Sinh năm: 1943 (chết năm 2015)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn T2 gồm:

2.1. Bà Trương Liên H; sinh năm 1946

2.2. Ông Nguyễn Thanh H; sinh năm: 1965

2.3. Ông Nguyễn Thanh B; sinh năm: 1966

2.4. Bà Nguyễn Thị Mỹ C; sinh năm: 1976

Cùng cư trú tại: 276/3 đường CL, khóm CL 1, phường VM, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

2.5. Bà Nguyễn Thị Ngọc M; sinh năm: 1969; cư trú tại: 276/4 đường CL, khóm CL 1, phường VM, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

2.6. Bà Nguyễn Thị Mỹ H; sinh năm: 1971; cư trú tại: 276/5 đường CL, khóm CL 1, phường VM, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

2.7. Ông Nguyễn Bình M; sinh năm: 1972; cư trú tại: 276/2 đường CL, khóm CL 1, phường VM, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ngọc N; sinh năm: 1966; cư trú tại: 424/14/1 NĐC, Phường D, Quận C, TP. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Liên H, bà Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Bình M (Văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 7 năm 2016) (bà N có mặt).

2.8. Bà Châu Thị Huỳnh H; sinh năm: 1953

2.9. Bà Nguyễn Châu Mỹ L; sinh năm: 1977

2.10. Ông Nguyễn Châu Đình P; sinh năm: 1983

Cùng cư trú tại: E7/45 ấp 5, xã LMX, huyện BC, TP. Hồ Chí Minh

2.11. Ông Nguyễn Châu Đình H; sinh năm: 1979; cư trú tại: E7/45 ấp 5, xã LMX, huyện BC, TP. Hồ Chí Minh

(Ông Nguyễn Châu Đình H hiện đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành, tỉnh An Giang).

Bà Châu Thị Huỳnh H, bà Châu Thị Mỹ L, ông Nguyễn Châu Đình P, ông Nguyễn Châu Đình H có đơn xin vắng mặt

3. Bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1947 (chết năm: 1995)

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị H gồm:

3.1. Ông Phan Anh T; sinh năm : 1974 ; cư trú tại : 320/23 KP3, đường CL, phường BTĐA, quận BT, TP. Hồ Chí Minh

Ông Phan Anh T chết ngày 21/4/2017, ông T không có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng

3.2. Bà Phan Thị Bạch T; sinh năm : 1977

3.3. Bà Phan Thị Thanh T; sinh năm : 1981

Cùng cư trú tại: 203 VT, Phường H, Quận F, TP. Hồ Chí Minh

3.5. Bà Trần Thị Diễm T; sinh năm : 1968; cư trú tại: 21/20C Khu D, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Bà Trần Thị Bội N; sinh năm: 1970; cư trú tại: Ấp QP, xã NQ, huyện CL, tỉnh Tiền Giang

4. Ông Nguyễn Việt S, sinh năm: 1979; cư trú tại: 203 VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ngọc N; sinh năm: 1966; cư trú tại: 424/14/1 NĐC, Phường D, Quận C, TP. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Diễm T và bà Trần Thị Bội N (Văn bản ủy quyền ngày 30/10/2013), đồng thời bà Nguyễn Thị Ngọc N còn là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Thanh T, bà Phan Thị Bạch T, ông Nguyễn Việt S (Văn bản ủy quyền ngày 25/10/2016) (có mặt).

5/ Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1951 (chết năm: 1984)

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị L gồm:

5.1. Ông Lê Công P; sinh năm: 1970; cư trú tại: 2/12 đường RC, Phường O, Quận H, TP. Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

5.2. Ông Lê Công M – Sinh năm: 1943 (chết năm 2015); cư trú tại: 65/D40 đường số FA, Phường N, Quận GV, TP. HCM

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Công M gồm:

5.2.1. Ông Lê Công P; sinh năm: 1970; cư trú tại: 2/12 đường RC, Phường O, Quận H, TP. Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

5.2.2. Bà Nguyễn Thị Liên H, sinh năm: 1958

5.2.3 Ông Lê Công H, sinh năm: 1988

5.2.4 Bà Lê Mỹ H, sinh năm: 1993

Cùng cư trú tại: 65D40 đường số FA, Phường N, Quận GV, TP. HCM

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ngọc N; sinh năm: 1966; cư trú tại: 424/14/1 NĐC, Phường D, Quận C, TP. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Liên H, ông Lê Công H, bà Lê Mỹ H (Văn bản ủy quyền ngày 27/7/2017) (có mặt).

6/ Ông Nguyễn Hồng A – Sinh năm: 1955 (chết tháng 7/2015)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Hồng A gồm:

Ông Nguyễn Bình Đ, sinh năm: 1991; cư trú tại: Tổ 20 PVV (nối dài), khóm CQ C, Phường B, Thành phố CĐ, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Hồng C, sinh năm: 1958

8. Bà Khổng Thị Nam P, sinh năm: 1974 (có đơn xin vắng mặt)

9. Trẻ Nguyễn Khổng Ngọc L, sinh năm: 2007

Cùng cư trú tại: 203 VT, Phường H, Quận F, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp theo pháp luật cho trẻ Nguyễn Khổng Ngọc L là bà Khổng Thị Nam P

10. Ông Nguyễn Hùng D – Sinh năm: 1961 (chết tháng 7/2013)

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Hùng D gồm:

10.1. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1965

10.2. Ông Nguyễn Trần Thanh V, sinh năm: 1988

10.3. Ông Nguyễn Trần Thanh B, sinh năm: 1992

10.4. Ông Nguyễn Trần Bảo L, sinh năm: 1994

Cùng cư trú tại: 42 lô E, LG, Phường G, Quận F, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1965,; cư trú tại: 42 lô E, LG, Phường G, Quận F, TP. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trần Thanh V, ông Nguyễn Trần Thanh B và ông Nguyễn Trần Bảo L (Văn bản ủy quyền ngày 03/12/2013) (bà H có đơn xin vắng mặt)

11/ Ông Vũ Quang M, sinh năm: 1990; cư trú tại: 203 VT, Phường H, Quận F, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2013, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn, bà Nguyễn Thị P trình bày: bà là con của ông Nguyễn Văn S – chết năm 1979 và bà Thái Thị L – chết năm: 2006. Khi

cha mẹ bà chết đều không có để lại di chúc. Ông bà nội và ông bà ngoại của bà đều đã chết.

Trước khi kết hôn với mẹ của bà thì cha của bà đã có một người vợ, tên gì thì bà không biết, hai người có với nhau một người con là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1941, chết năm 1996. Chồng bà C tên là Lê Văn L (chết năm 1985), bà C và ông L có với nhau 02 người con chung là Nguyễn Thị N và Lê Thị Ánh T. Sau đó, ông L chết, bà C kết hôn với ông Nguyễn Văn C và có với nhau thêm 02 người con nữa là ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B.

Sau đó, cha bà sống chung với mẹ của bà là bà Thái Thị L, hai người có với nhau 09 người con gồm: ông Nguyễn Văn T2 (chết năm 2015), bà Nguyễn Thị H (chết năm 1995), Nguyễn Thị L (chết năm 1984), Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hồng A (chết năm 2015), Nguyễn Hồng C, Nguyễn Hùng D (chết năm 2013), Nguyễn Hùng H, Nguyễn Thị Ngọc N.

Ông Nguyễn Văn T2 (chết năm 2015) có vợ là bà Trương Liên H, ông T và bà Trương Liên H có với nhau 06 người con chung là: Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Mỹ C, Nguyễn Bình M, Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Thị Mỹ H. Sau đó ông T2 tiếp tục lấy thêm một vợ là bà Châu Thị Huỳnh H. Ông T2 và bà Huỳnh H có với nhau 03 người con chung là: Nguyễn Châu Mỹ L, Nguyễn Châu Đình H, Nguyễn Châu Đình P.

Bà Nguyễn Thị H (chết năm 1995) có chồng là ông Trần Văn S (chết năm 1999), bà H và ông S có với nhau 02 người con chung là bà Trần Thị Diễm T và Trần Thị Bội N, sau đó bà H kết hôn với ông Phan Hồng H (đã chết năm 2003), bà H và ông H có với nhau 03 người con chung là ông Phan Anh T, bà Phan Thị Bạch T và bà Phan Thị Thanh T. Ông Phan Anh T chết vào tháng 4/2017, ông T không có vợ con.

Bà Nguyễn Thị L (chết năm 1984) có chồng là ông Lê Công M, bà L và ông M có 01 người con chung là ông Lê Công P. Sau khi bà L chết thì ông M kết hôn với bà Nguyễn Thị Liên H và có với nhau hai người con chung là ông Lê Công H và bà Lê Mỹ H

Ông Nguyễn Hùng D (chết năm 2013) có vợ là bà Bà Trần Thị H, ông D và bà H có với nhau 03 người con chung là ông Nguyễn Trần Thanh V, ông Nguyễn Trần Thanh B, ông Nguyễn Trần Bảo L.

Ông Nguyễn Hồng A (chết năm 2015) ông A có vợ là bà Phạm Thị C, ông A và bà C đã ly hôn nhau từ năm 2004, hai người có với nhau một người con chung là ông Nguyễn Bình Đ

Căn nhà số 203 VT, Phường H, Quận F có nguồn gốc là của ông bà nội của bà tạo lập, bà không nhớ ông bà nội bà tên là gì. Ông bà nội của bà chỉ có một người con chung đó là cha của bà. Năm 1936 ông nội bà chết để lại căn nhà này cho bà nội và cha bà ở, hiện trạng nhà lúc đó là nhà lá. Từ năm 1940, cha mẹ bà lấy nhau và đã về sống tại căn nhà này. Cha mẹ bà và 09 anh chị em bà đều chung sống tại căn nhà này. Năm 1968 căn nhà này bị cháy, toàn bộ giấy tờ của căn nhà này đã bị cháy theo, năm 1969, Hội Hồng Thập Tự cứu trợ nạn nhân

chiến cuộc xây lại một dãy lô 10 căn trên phần đất của cha mẹ bà rồi cấp cho cha mẹ bà một căn nhà để ở, căn nhà hiện nay có số nhà là 203 VT, Phường H, Quận F. Năm 1977 cha bà có kê khai nhà đất theo quy định của nhà nước.

Năm 1979, cha bà bị bệnh chết (không để lại di chúc). Mẹ bà và các anh chị em bà tiếp tục ở lại căn nhà này. Năm 1973, bà lấy chồng và về ở nhà chồng. Do căn nhà 203 VT bị xuống cấp trầm trọng nên mẹ bà có nói ông H sửa lại nhà, ông H có sửa lại nhà và cất thêm 01 gác lửng bằng cây ở nhà sau.

Năm 1997, em bà là ông Nguyễn Hùng D xin mẹ bà chia phần tài sản cha bà để lại để ra ở riêng. Mẹ bà đã đồng ý chia phần thừa kế cho ông D là 11 lượng vàng 24K, lúc đó mẹ bà và ông D có ra Ủy ban nhân dân Phường H, Quận F để làm thủ tục giao vàng cho ông D. Lúc này bà cũng không biết là mẹ bà trực tiếp giao số vàng cho ông D hay là ông H giao vàng cho ông D. Nay do ông D đã chết, các anh chị em bà vẫn đồng ý chia tiếp cho ông D một suất thừa kế và tài sản chung của cha mẹ để lại như các anh chị em được hưởng.

Năm 1999, mẹ bà có kê khai đăng ký nhà và đất. Năm 2006, mẹ bà chết, không để lại di chúc. Căn nhà này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu do lúc mẹ bà còn sống thì mẹ bà chưa kịp để làm thủ tục hợp thức hóa nhà, đất.

Vào năm 2003 ông H có bỏ tiền ra để xây lại phía trước và sửa chữa phía sau căn nhà, giá trị sửa chữa là bao nhiêu thì bà không biết, nếu ông H có yêu cầu hoàn trả tiền chi phí sửa chữa nhà thì ông H phải cung cấp các chứng cứ để chứng minh đã sửa chữa hết bao nhiêu tiền. Nếu ông H không cung cấp được chứng cứ về số tiền đã bỏ ra sửa chữa thì bà không đồng ý về việc trả cho ông H số tiền đã bỏ ra sửa chữa nhà. Đối với 11,4 lượng vàng SJC mà ông D đã nhận, ông H cho rằng số vàng này là của ông H ứng ra đưa cho ông D thì ông H cũng phải cung cấp chứng cứ chứng minh số vàng này là của ông H, bà không đồng ý việc ông H yêu cầu được nhận lại 11,4 lượng vàng này. Mặt khác, nay các anh chị em đều đã đồng ý tiếp tục chia cho ông D được hưởng một suất thừa kế và tài sản chung như các anh chị em, do ông D đã chết thì vợ con ông D được hưởng. Như vậy, nếu ông H có yêu cầu muốn nhận lại số vàng mà ông H cho rằng đã ứng ra đưa cho ông D thì nay ông H yêu cầu vợ con ông D trả lại cho ông H.

Nay bà yêu cầu Tòa án phân chia ½ căn nhà là tài sản chung chưa chia của cha bà để lại và ½ căn nhà là di sản thừa kế của mẹ bà để lại cho các đồng thừa kế theo quy đình của pháp luật. Bà yêu cầu được nhận tiền.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày: Bà là con ruột của ông Nguyễn Văn S và bà Thái Thị L. Về quan hệ nhân thân và nguồn gốc căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F thì đúng như bà P đã trình bày, bà thống nhất và không bổ sung gì thêm.

Căn nhà 203 VT đã tồn tại từ rất lâu nên bị xuống cấp trầm trọng vì vậy căn nhà này đã được tu bổ sửa chữa rất nhiều lần. Trước năm 2003 và sau năm 2003 thì ông Nguyễn Hùng H là người bỏ tiền ra để xây dựng, sửa chữa căn nhà 203 VT, cụ thể là nâng nền lên cao thêm 1m, nâng nóc thêm 1m, xây thêm tường, làm gác phía sau, làm la phông, thay tole toàn bộ căn nhà, và lót gạch… lúc đó

mẹ bà vẫn còn sống, tổng số tiền ông H đã bỏ ra sửa nhà là 31 lượng vàng SJC, nay nếu ông H có yêu cầu hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra sửa chữa nhà là hợp lý và bà cũng đồng ý với việc phải cấn trừ số tiền mà ông H đã bỏ ra sửa chữa nhà để trả lại cho ông H.

Năm 1979 cha bà chết, năm 2006 mẹ bà chết, cả cha mẹ bà đều không để lại di chúc. Năm 2006 theo di nguyện của mẹ bà và được sự thống nhất của tất cả các anh em, bà và con trai bà là Vũ Quang M về nhà này ở để giữ gìn, quản lý căn nhà. Từ năm 2015 thì vợ chồng ông Nguyễn Hồng C cũng về sinh sống tại căn nhà này.

Nay bà xác định ½ căn nhà 203 VT là tài sản chung do cha bà để lại chưa chia và ½ căn nhà 203 VT là di sản thừa kế do mẹ bà để lại, nay bà P yêu cầu chia thì bà cũng đồng ý và yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế và phần tài sản chung mà bà được hưởng theo quy định của pháp luật, bà xin nhận hiện vật là căn nhà và sẽ hoàn lại tiền cho các đồng thừa kế làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vào năm 1999 ông Nguyễn Hùng D muốn nhận phần thừa kế của cha mẹ để mua nhà ở riêng, do mẹ bà không có tiền nên ông Nguyễn Hùng H đã thay mặt mẹ ứng đưa cho ông D 11 lượng 4 chỉ vàng 24K, như vậy, phần ông D đã nhận xong, việc này có làm văn bản tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận F nhưng không hiểu sao nay Ủy ban nhân dân Phường H, Quận F lại không còn lưu giữ văn bản này. Còn các đồng thừa kế khác chưa ai được nhận hay chia gì từ di sản này. Nay do ông D đã chết, bà và các anh chị em vẫn đồng ý chia tiếp cho ông D một suất thừa kế và tài sản chung của cha mẹ để lại như các anh chị em được hưởng

Trong thời gian ở tại căn nhà này, vào năm 2012 bà có sửa chữa lại nhà, cụ thể là sơn lại nhà, nâng nền phần sân khi sửa đường VT, chống dột căn nhà. Chi phí sửa chữa là bao nhiêu bà không nhớ rõ, bà không yêu cầu các đồng thừa kế hoàn trả lại cho bà số tiền mà bà đã bỏ ra để sửa lại nhà.

Tại bản tự khai không ngày tháng năm 2014, đơn trình bày ý kiến ngày 30/8/2017 ông bị đơn ông Nguyễn Hùng H trình bày: Căn nhà số 203 VT, Phường H, Quận F là của ông bà nội ông tạo lập, sau khi ông bà nội ông chết đã để lại căn nhà trên cho cha mẹ của ông là ông Nguyễn Văn S (chết năm 1979) và mẹ ông là bà Thái Thị L (chết năm: 2006). Cha mẹ ông có các người con sau: bà Nguyễn Thị C (con riêng của cha ông), ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hồng A, ông Nguyễn Hồng C, ông Nguyễn Hùng D, bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông.

Sau khi cha ông chết thì tại căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F chỉ có mẹ ông, ông, ông C và ông D sống tại đây. Năm 1998 căn nhà xuống cấp nên ông đã bỏ ra 25 lượng vàng SJC để xây lại căn nhà 203 VT. Năm 1999 do gia đình ông Nguyễn Hùng D cùng sống chung căn nhà nên chật chội vì vậy ông D yêu cầu mẹ ông cho ông D được nhận phần thừa kế của cha mẹ để mua nhà ra ở riêng. Lúc đó mẹ ông không có tiền nên ông đã ứng ra đưa cho ông D 11 lượng 04 chỉ vàng SJC. Năm 2003 do căn nhà thường xuyên bị ngập nước nên ông đã

bỏ ra tiếp 06 lượng vàng SJC để sửa chữa lại nhà, ông đưa số vàng trên cho bà N bán để lấy tiền sửa chữa nhà. Tổng số tiền ông bỏ ra sửa chữa nhà 203 VT là 31 lượng vàng SJC. Năm 2006 thì mẹ ông chết

Nay có sự tranh chấp về chia thừa kế và tài sản chung tại căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F là di sản của cha mẹ ông để lại thì ông cũng yêu cầu được nhận phần thừa kế và tài sản chung theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu được nhận lại 31 lượng vàng SJC mà ông đã bỏ ra sửa chữa nhà và 11,4 lượng vàng SJC mà ông đã ứng trả trước phần thừa kế cho ông D. Nay ông D đã chết nên các anh em cũng thống nhất đồng ý và yêu cầu Tòa án tiếp tục chia cho ông D một phần thừa kế và tài sản chung của cha mẹ để lại như các anh chị em được nhận. Toàn bộ phần thừa kế và tài sản chung mà ông được nhận từ di sản của cha mẹ ông để tại căn nhà 203 VT, phường H, Quận F thì ông xin tặng cho lại bà Nguyễn Thị Ngọc N được nhận toàn bộ phần của ông.

Người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Hồng C trình bày: Ông là con ruột của ông Nguyễn Văn S và bà Thái Thị L. Về quan hệ huyết thống của gia đình ông và nguồn gốc nhà, đất tại số 203 VT, Phường H, Quận F thì đúng như bà P và bà N đã trình bày, ông hoàn toàn thống nhất và không bổ sung gì thêm

Năm 1979 cha ông chết, năm 2006 mẹ ông chết, khi cha mẹ ông chết thì đều không để lại di chúc. Nay ông xác định ½ căn nhà 203 VT là tài sản chung do cha ông để lại chưa chia và ½ căn nhà 203 VT là di sản thừa kế do mẹ ông để lại, nay bà P yêu cầu chia thừa kế và tài sản chung đối với căn nhà này thì ông cũng đồng ý và yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế và phần tài sản chung mà ông được hưởng theo quy định của pháp luật. Toàn bộ phần thừa kế và tài sản chung mà ông được nhận từ di sản của cha mẹ ông để lại ông xin nhường lại toàn bộ cho bà Nguyễn Thị Ngọc N được nhận phần của ông. Từ năm 2015 thì ông cùng vợ là bà Khổng Thị Nam P và con trai là Nguyễn Khổng Ngọc L về sinh sống tại căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F. Vợ chồng ông không có công sức đóng góp, sửa chữa gì tại căn nhà này.

Vào năm 1999, ông Nguyễn Hùng H đã ứng ra đưa ông D 11 lượng 4 chỉ vàng SJC. Còn các đồng thừa kế khác chưa ai được nhận hay chia gì từ di sản này. Nay do ông D đã chết, ông và các anh chị em vẫn đồng ý chia tiếp cho ông D một suất thừa kế và tài sản chung của cha mẹ để lại như các anh chị em được nhận.

Trước đây ông H có bỏ tiền ra để xây lại phía trước và sửa chữa phía sau căn nhà, nay nếu ông H có yêu cầu hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra sửa chữa nhà thì ông cũng đồng ý. Chính ông là người coi thợ sửa chữa và kêu vật tư, chi phí sửa chữa thì ông cũng không nhớ rõ.

- Người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị Ánh T, trình bày:

Nguyên căn nhà số 203 VT có nguồn gốc là của ông bà ngoại bà là ông Nguyễn Văn S và bà Thái Thị L tạo lập. Bà là con ruột của bà Nguyễn Thị C (chết năm 1996) và ông Lê Văn L (chết năm 1985), bà C là con riêng của ông

Nguyễn Văn S. Cha mẹ bà có hai người con chung là bà và bà Nguyễn Thị N. Sau khi cha bà chết thì mẹ bà có lấy thêm chồng là ông Nguyễn Văn C và đã có thêm hai người con là ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B. Ngoài ra về quan hệ huyết thống của gia đình thì bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà P và không bổ sung gì thêm.

Căn nhà số 203 VT, Phường H, Quận F hiện nay đang do ông C, bà N quản lý sử dụng. Nay ông ngoại và mẹ bà cũng đã chết. ½ căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F là tài sản chung của ông ngoại bà để lại chưa chia. Vì vậy nay bà xin được hưởng phần thừa kế của mẹ bà để lại mà nếu mẹ bà còn sống thì mẹ bà sẽ được hưởng phần tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Bà có nghe nói lại là ông Nguyễn Hùng D trước đây đã được nhận trước phần thừa kế của cha mẹ nhưng nay các cậu, các dì bà đồng ý chia tiếp cho ông D một suất thừa kế và tài sản chung như các cậu, các dì thì bà cũng đồng ý.

Việc ông H nói có bỏ tiền ra sửa chữa nhà thì nay nếu ông H cung cấp được các chứng cứ chứng minh về số tiền đã bỏ ra sửa chữa nhà 203 VT, Phường H, Quận F thì bà mới đồng ý cấn trừ tiền sửa chữa nhà cho ông H.

Người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Ng, trình bày:

Bà là con ruột của bà Nguyễn Thị C (chết năm 1996) và ông Lê Văn L (chết năm 1985), bà C là con riêng của ông Nguyễn Văn S. Cha mẹ bà có hai người con chung là bà và bà Lê Thị Ánh T. Sau khi cha bà chết thì mẹ bà có lấy ông Nguyễn Văn C làm chồng và đã có thêm hai người con là ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B. Ngoài ra về quan hệ huyết thống của gia đình và nguồn gốc căn nhà 203 VT thì bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà P và không bổ sung gì thêm. Bà không có công sức đóng góp sửa chữa gì trong căn nhà này.

Nay ông ngoại và mẹ bà cũng đã chết. ½ căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F là tài sản chung của ông ngoại bà để lại chưa chia. Vì vậy nay bà xin được hưởng phần thừa kế của mẹ bà để lại mà nếu mẹ bà còn sống thì mẹ bà sẽ được hưởng phần tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Bà đồng ý chia tiếp cho ông D một suất thừa kế và tài sản chung như các cậu, các dì của bà được nhận. Việc ông H nói có bỏ tiền ra sửa chữa nhà thì nay nếu ông H cung cấp được các chứng cứ chứng minh về số tiền đã bỏ ra sửa chữa nhà 203 VT, Phường H, Quận F thì bà mới đồng ý cấn trừ tiền sửa chữa nhà cho ông H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn T1 đồng thời ông T1 cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ông và bà B là con của bà Nguyễn Thị C (chết năm 1996) và ông Nguyễn Văn C. Về quan hệ huyết thống của gia đình và nguồn gốc căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F thì ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà P và lời trình bày của bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Ánh T và không bổ sung gì thêm.

Nguyên căn nhà số 203 VT có nguồn gốc là của ông bà ngoại ông là ông Nguyễn Văn S và bà Thái Thị L. Ông cũng như cha ông và bà B không có công sức đóng góp gì trong căn nhà này.

Nay ông ngoại và mẹ ông cũng đã chết. ½ căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F là tài sản chung của ông ngoại ông để lại chưa chia. Vì vậy, nay ông, cha ông là ông C và bà B xin được hưởng phần thừa kế của mẹ ông để lại mà nếu mẹ ông còn sống thì mẹ ông sẽ được hưởng phần tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Ông đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền cho ông C và bà B đồng ý chia tiếp cho ông Nguyễn Hùng D một suất thừa kế và tài sản chung như các dì các cậu ông được nhận.

Theo như ông H trình bày thì trước đây ông H có bỏ tiền ra để xây lại phía trước và sửa chữa phía sau căn nhà, nay nếu ông H có yêu cầu hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra sửa chữa nhà phải có chứng cứ chứng minh số tiền đã bỏ ra , nếu chứng minh được có sửa chữa thì chúng tôi đồng ý trả tiền sửa chữa cho ông H.

Còn việc ông trước đây ông D nhận suất thừa kế của mình tại nhà 203 VT và nhận số vàng từ bà L hay ông H thì ông không biết việc này. Nếu ông H yêu cầu trả lại số vàng đã ứng cho ông D thì ông H cũng phải chứng minh việc này.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Diễm T, bà Trần Thị Bội N, bà Phan Thị Bạch T, bà Phan Thị Thanh T, ông Nguyễn Việt S do bà Nguyễn Thị Ngọc N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về quan hệ huyết thống gia đình bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà P và không bổ sung gì thêm. Bà Trần Thị Diễm T và bà Trần Thị Bội N là con của bà Nguyễn Thị H (chết năm 1995) và ông Trần Văn S (chết năm: 1999), sau đó thì bà H và ông S không sống chung với nhau nữa, bà H kết hôn với ông Phan Hùng H (chết năm 2003) và có với nhau thêm 03 người con là ông Phan Anh T, bà Phan Thị Bạch T và bà Phan Thị Thanh T. Vào tháng 4/2017 thì ông Phan Anh T bị bệnh chết, khi còn sống thì ông T không có vợ con. Vào năm 2006 thì bà Phan Thị Thanh T cùng chồng là ông Nguyễn Việt S về sống tại căn nhà 203 VT. Bà Phan Thị Bạch T cũng cùng sinh sống tại căn nhà này nhưng từ năm 2015 thì các ông bà Bạch T, bà Thanh T, ông Việt S không còn sinh sống ở căn nhà 203 VT nữa. Bà Trần Thị Diễm T, bà Trần Thị Bội N, bà Phan Thị Bạch T, bà Phan Thị Thanh T, ông Nguyễn Việt S không có công sức đóng góp, sửa chữa gì tại căn nhà này.

Nay bà đại diện cho bà Trần Thị Diễm T, bà Trần Thị Bội N, bà Phan Thị Bạch T, bà Phan Thị Thanh T xác định ½ căn nhà 203 VT là tài sản chung của ông Nguyễn Văn S để lại chưa chia và ½ căn nhà 203 VT là di sản thừa kế của bà Thái Thị L để lại, nay bà P yêu cầu chia thì bà Diễm T, bà bội N, bà Bạch T, bà Thanh T cũng đồng ý và yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế và phần tài sản chung mà các bà được hưởng theo quy định của pháp luật. Toàn bộ phần thừa kế và tài sản chung mà bà Diễm T, bà Bội N, bà Bạch T, bà Thanh T được hưởng thì bà Diễm T, bà Bội N, bà Bạch T, bà Thanh T xin tặng cho lại toàn bộ cho bà Nguyễn Thị Ngọc N được nhận phần của các bà.

Bà Diễm T, bà Bội N, bà Bạch T, bà Thanh T đồng ý chia tiếp cho ông Nguyễn Hùng D một suất thừa kế và tài sản chung như các cậu, các dì được hưởng. Đối với phần tiền mà ông Nguyễn Hùng H đã bỏ ra sửa chữa nhà cũng như số vàng mà ông H đã ứng ra vào năm 1999 cho ông D thì nếu ông H có yêu cầu thì các bà Diễm T, bà Bội N, bà Bạch T, bà Thanh T đồng ý cho ông H được nhận lại.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2013, biên bản ghi nhận ý kiến ngày 14/11/2014 người có quyền lợi- nghĩa vụ liên quan, ông Lê Công P trình bày: Ông là con của ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị L, bà L chết năm 1984. Căn nhà 203 VT, phường H, Quận F có nguồn gốc là của ông bà ngoại ông là ông Nguyễn Văn S và bà Thái Thị L tạo lập, ông không có công sức đóng góp gì tại căn nhà trên. Nay ông xác định xác định ½ căn nhà 203 VT là tài sản chung của ông Nguyễn Văn S để lại chưa chia và ½ căn nhà 203 VT là di sản thừa kế của bà Thái Thị L để lại, nay ông yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế và phần tài sản chung mà ông được hưởng theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Công M là cha ông nhường suất thừa kế và tài sản chung của ông M được nhận cho ông thì ông đồng ý nhận và ông tự nguyện nhường lại toàn bộ phần thừa kế và tài sản chung của ông được nhận theo quy định của pháp luật cũng như toàn bộ phần thừa kế mà ông được nhận từ ông M, ông sẽ nhường lại tất cả cho bà Nguyễn Thị Ngọc N được nhận.

Ông cũng đồng ý tiếp tục chia cho ông D một phần thừa kế nữa như các đồng thừa kế khác, ông D đã chết thì vợ con ông D được hưởng.

Ông có biết việc ông H bỏ tiền ra sửa chữa nhà 203 VT nhiều lần, số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông không biết nhưng nếu ông H có yêu cầu trả lại tiền đã bỏ ra sửa chữa thì ông cũng đồng ý trả lại cho ông H số tiền sửa chữa, sau khi trừ đi số tiền sửa chữa nhà của ông H còn lại bao nhiêu sẽ chia cho các đồng thừa kế

- Tại phiên tòa hôm nay Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Công M là bà Nguyễn Thị Liên H, bà Lê Mỹ H và ông Lê Công H do bà Nguyễn Thị Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Lê Công M trước đây là chồng của bà Nguyễn Thị L (chết năm 1984). Bà L và ông M có với nhau một người con chung là ông Lê Công P. Sau khi bà L chết thì ông M kết hôn với bà Nguyễn Thị Liên H và có với nhau hai người con chung tên là ông Lê Công H và bà Lê Mỹ H. Căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F là nhà của cha mẹ vợ trước của ông M để lại. Được biết khi ông M còn sống ông M đã có ý nguyện nhường toàn bộ phần tài sản mà ông M được nhận thừa kế từ vợ trước là bà Nguyễn Thị L để lại cho con riêng của ông M và bà L là ông Lê Công P được hưởng. Vì vậy, nay bà H, bà H, ông H cũng không tranh chấp gì và đồng ý để cho ông M nhường lại toàn bộ phần tài sản của ông M được hưởng từ bà L cho ông Lê Công P.

- Tại bản tự khai ngày 18/4/2014 và biên bản ghi nhận ý kiến ngày 14/11/2014 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hùng D là bà Nguyễn Thị H đồng thời bà H là người đại diện theo ủy quyền của ông

Nguyễn Trần Thanh V, ông Nguyễn Trần Thanh B, ông Nguyễn Trần Bảo L trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Hùng D. Ông D chết năm 2013. Bà và ông D có với nhau 03 người con chung là ông Nguyễn Trần Thanh V, ông Nguyễn Trần Thanh B; ông Nguyễn Trần Bảo L.

Vào năm 1997 vợ chồng bà ra ở riêng nhưng do không có tiền nên đã đề nghị mẹ ruột của ông D là bà Thái Thị L chia thừa kế cho ông D để lấy tiền mua nhà. Sau đó ông D có nhận 11 cây 4 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên việc ông D nhận số vàng trên từ mẹ chồng bà hay từ ông H thì bà không biết.

Như vậy phần thừa kế của ông D tại căn nhà số 203 VT, Phường H, Quận F đã nhận xong. Nay bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án Quận 6 phân chia thừa kế và tài sản chung tại căn nhà số 203 VT, Phường H, Quận F thì bà và các con bà không có tranh chấp gì về việc phân chia này. Tuy nhiên nếu như các đồng thừa kế đồng ý tiếp tục chia cho ông D một phần thừa kế vào tài sản chung của cha mẹ để lại thì bà và các con của bà cũng đồng ý nhận. Sau khi được nhận phần thừa kế và tài sản chung thì bà và các con của bà sẽ nhường lại toàn bộ phần được nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc N.

Về vấn đề sửa chữa nhà của ông H, nếu ông H có yêu cầu hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra sửa chữa nhà thì bà và các con của bà cũng đồng ý. Sau khi trừ đi tiền sửa chữa nhà của ông H còn lại bao nhiêu sẽ chia cho các đồng thừa kế.

- Tại bản tự khai ngày 04/4/2016 Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hồng A là ông Nguyễn Bình Đ trình bày:

Ông là con ruột của ông Nguyễn Hồng A (chết năm 2015) và bà Nguyễn Thị C, cha mẹ ông đã ly hôn với nhau vào năm 2004. Cha mẹ ông chỉ có một người con là ông ngoài ra không còn người con nào khác. Nguồn gốc căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F là của ông bà nội ông để lại. Nay ông bà nội ông đã chết nên ông yêu cầu tòa án cho ông được nhận phần thừa kế và tài sản chung theo quy định của pháp luật mà nếu như cha ông còn sống thì cha ông sẽ được hưởng. Ông không có công sức đóng góp sửa chữa gì tại căn nhà trên. Ông nghe nói là ông Nguyễn Hùng D trước đây cũng đã được nhận phần thừa kế. Tuy nhiên, nay ông cũng đồng ý là tiếp tục chia cho ông D một suất thừa kế và tài sản chung tại nhà 203 VT, phường H, Quận F.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Vũ Quang M trình bày:

Ông là con ruột của bà Nguyễn Thị Ngọc N, từ năm 2006, ông và mẹ ông đã về ở tại căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F. Trong thời gian ở tại căn nhà này ông không có công sức đóng, sửa chữa gì trong căn nhà này. Nay bà Nguyễn Thị P nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế đối với căn nhà này thì ông cũng không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/6/2015 và 21/4/2016 Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T2 là bà Trương Liên H trình bày: Bà và ông T2 chung sống với nhau từ năm 1964, có đăng ký kết hôn nhưng

hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc, bà và ông T2 có với nhau 06 người con chung gồm: ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Bình M. Bà và ông T2 không có làm thủ tục ly hôn với nhau tuy nhiên từ năm 1978 ông T2 bỏ nhà đi và sống chung với bà Châu Thị Huỳnh H và có thêm 03 người con với bà Huỳnh H là: bà Nguyễn Châu Mỹ L, ông Nguyễn Châu Đình P và ông Nguyễn Châu Đình H. Nay bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và tài sản chung tại căn nhà 203 VT, phường H, quận F của ông Nguyễn Văn S và bà Thái Thị L để lại thì bà yêu cầu Tòa án chia cho bà theo kỷ phần mà bà được hưởng theo quy định của pháp luật. Bà không có công sức đóng góp gì tại căn nhà 203 VT, phường H, quận F.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/4/2016 và 22/4/2016 Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T2 là ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Bình M trình bày:* Các ông bà là con ruột của ông Nguyễn Văn T2 và bà Trương Liên H. Ông T2 không nhận ai làm con nuôi nhưng ông T2 có chung sống với bà Châu Thị Huỳnh H và có thêm 03 người con với bà Huỳnh H là: Nguyễn Châu Mỹ L, Nguyễn Châu Đình P và Nguyễn Châu Đình H. Nay bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và tài sản chung tại căn nhà 203 VT, phường H, quận F của ông Nguyễn Văn S và bà Thái Thị L để lại thì các ông bà yêu cầu Tòa án chia cho các ông bà theo kỷ phần mà các ông bà được hưởng theo quy định của pháp luật. Các ông bà không có công sức đóng góp gì tại căn nhà 203 VT, phường H, quận F.

- *Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T2 là bà Trương Liên H, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Bình M trình bày:*

Bà Trương Liên H, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Bình M không tranh chấp gì mối quan hệ hôn nhân giữa ông T2 và bà Châu Thị Huỳnh H và đề nghị Tòa án chia cho bà Châu Thị Huỳnh H được nhận một suất thừa kế của ông T2 để lại bằng với các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn T2.

- *Tại bản tự khai ngày 29/5/2015 và ngày 16/3/2016 Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T2 là bà Châu Thị Huỳnh H trình bày:* Bà và ông T2 chung sống với nhau từ năm 1975 có đăng ký kết hôn vào năm 1990, bà và ông T2 có với nhau 03 người con chung là: bà Nguyễn Châu Mỹ L, ông Nguyễn Châu Đình P và ông Nguyễn Châu Đình H, trước khi sống chung với bà thì ông T đã có vợ là bà Trương Liên H và ông T2 có 06 người con chung với bà Liên H. Nay ông Nguyễn Văn T2 đã chết vì vậy bà đề nghị Tòa án chia cho bà một phần thừa kế của ông T2 để lại theo quy định của pháp luật mà nếu như ông T2 còn sống thì ông T2 sẽ được nhận từ di sản của cha mẹ ông T2 để lại.

- Tại bản tự khai ngày 16/3/2016 và ngày 28/3/2016 Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T2 là bà Nguyễn Châu Mỹ L và ông Nguyễn Châu Đình P trình bày: Ông bà là con ruột của ông Nguyễn Văn T2 và bà Châu Thị Huỳnh H. Nay ông Nguyễn Văn T2 đã chết vì vậy ông bà đề nghị Tòa án chia cho ông bà một phần thừa kế của ông T2 để lại theo quy định của pháp luật mà nếu như ông T2 còn sống thì ông T2 sẽ được nhận từ di sản của cha mẹ ông T2 để lại.

- Tại bản tự khai ngày 26/4/2016 và ngày 18/8/2016 Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T2 là ông Nguyễn Châu Đình H trình bày:

Ông là con ruột của ông Nguyễn Văn T2 và bà Châu Thị Huỳnh H, cha mẹ ông có tất cả ba người con chung bao gồm: ông, bà Nguyễn Châu Mỹ L và Nguyễn Châu Đình P, ngoài ra ông Tiên còn có 06 người con riêng của vợ trước. Nay ông Nguyễn Văn T2 đã chết, theo quy định của pháp luật thì ông được nhận phần thừa kế của ông T2 để lại. Vì vậy, ông yêu cầu được nhận phần thừa kế của ông T2 để lại mà nếu như ông T2 còn sống thì ông T2 sẽ được nhận. Ông không có công sức đóng góp gì tại căn nhà 203 VT, phường H, quận F. Trước đây ông có trình bày là yêu cầu cho gia đình ông nhận lại các khoản chi phí thưa kiện, việc đi lại tốn kém các khoản… nay ông không có yêu cầu nữa.

- Tại bản tự khai ngày 23/5/2016 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Khổng Thị Nam P đồng thời bà P là người đại diện theo pháp luật cho trẻ Nguyễn Khổng Ngọc L (sinh năm: 2007) trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Hồng C, vào tháng 7/2015 bà cùng chồng và con trai là Nguyễn Khổng Ngọc L về sinh sống tại nhà 203 VT, Phường H, Quận F. Từ khi về sinh sống tại căn nhà này cho đến nay thì vợ chồng bà không có công sức đóng góp sửa chữa gì tại căn nhà này. Việc bà Nguyễn Ngọc P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và tài sản chung tại căn nhà 203 VT thì bà không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Vào tháng 4/2016 thì có ông Trần Văn Đ đến thuê mặt bằng phía trước nhà 203 VT để mở tiệm hốt tóc nhưng đến ngày 02/5/2016 thì ông Đ không còn thuê mặt bằng nhà 203 VT nữa, hiện nay tại căn nhà 203 VT không có ai thuê mướn để kinh doanh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F là tài sản chung của ông Nguyễn Văn S và bà Thái Thị L để lại. Ông S và bà L chết đều không để lại di chúc. Nay bà P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và tài sản chung đối với căn nhà số 203 VT, Phường H, Quận F là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phân chia tài sản thuộc sở hữu chung và chia thừa kế đối với căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F cho những người thừa kế của ông S

và bà L theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Ngọc N có yêu cầu được nhận căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F và bà N sẽ hoàn lại tiền cho các đồng thừa kế. Hiện nay, bà N là người đang quản lý căn nhà trên nên việc giao cho bà N được quyền sở hữu căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F và hoàn lại tiền cho các các đồng thừa kế theo kỷ phần thừa kế của từng người được nhận là hoàn toàn hợp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử giao căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F cho bà N được quyền sở hữu và bà N có trách nhiệm hoàn tiền lại cho các đồng thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 09/01/2013 bà Nguyễn Thị P nộp đơn khởi kiện tranh chấp về chia di sản thừa kế và chia tài sản thuộc sở hữu chung đối với nhà đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F, TP. Hồ Chí Minh. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 5, 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà P khởi kiện và Tòa án thụ lý vụ án vào trước thời điểm Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực thi hành. Vì vậy, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Hùng H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: bà Châu Thị Huỳnh H, bà Nguyễn Châu Mỹ L, ông Nguyễn Châu Đình P, ông Nguyễn Châu Đình H, ông Nguyễn Việt S, ông Lê Công P, ông Nguyễn Bình Đ, bà Khổng Thị Nam P, bà Trần Thị H đồng thời bà H là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trần Thanh V, ông Nguyễn Trần Thanh B, ông Nguyễn Trần Bảo L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự thì ông Nguyễn Văn S (chết năm 1979) và bà Thái Thị L (chết năm 2006) có với nhau 09 người con chung gồm: ông Nguyễn Văn T2 (chết năm 2015), bà Nguyễn Thị H (chết năm 1995), bà Nguyễn Thị L (chết năm 1984), bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hồng A (chết năm 2015), ông Nguyễn Hồng C, ông Nguyễn Hùng D (chết năm 2013), ông Nguyễn Hùng H, bà Nguyễn Thị Ngọc N. Ngoài ra thì ông Nguyễn Văn S còn có một người con riêng là bà Nguyễn Thị C (chết năm 1996)

Căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F do ông Nguyễn Văn S và bà Thái Thị L quản lý, sử dụng liện tục từ năm 1940. Năm 1977 ông Nguyễn Văn S có làm thủ tục kê khai nhà cửa, đến năm 1999 bà Thái Thị L có làm thủ tục đăng ký nhà, đất theo chủ trương của Nhà nước. Từ năm 1940 thì ông S và bà L cùng các con sinh sống liên tục tại căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F. Sau khi ông S và bà L chết thì các con của ông S và bà L tiếp tục sinh sống tại căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F cho đến nay. Tại công văn trả lời xác minh số 122/UBND

ngày 01/3/2017 của Ủy ban nhân dân Phường H, Quận F thì từ trước đến nay Ủy ban nhân dân Phường H chưa tiếp nhận giải quyết tranh chấp đối với nhà, đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F. Như vậy, nhà và đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F do cha mẹ ông S tạo lập từ trước năm 1940, sau đó ông S và bà L và các con của ông S và bà L tiếp tục quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1940 cho đến nay không có ai tranh chấp. Như vậy, nhà, đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F là tài sản chung của ông S và bà L để lại. Nay bà P khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và thừa kế đối với nhà đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F là không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Vào năm 1979 thì ông Nguyễn Văn S chết không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự 2005 thì thời hiệu khởi kiện thừa kế là 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế.

Theo Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thì tại mục 2.4 quy định : " Trong thời hạn 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế mà các đồng thừa kế không có tranh chấp về quyền thừa kế và có văn bản cùng xác nhận là đồng thừa kế hoặc sau khi kết thúc thời hạn 10 năm mà các đồng thừa kế không có tranh chấp về hàng thừa kế và đều thừa nhận di sản của người chết để lại chưa chia thì di sản đó chuyển thành tài sản chung của các thừa kế "

Như vậy, vào ngày 09/3/2013 bà P khởi kiện yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung đối phần di sản là ½ căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F của ông Nguyễn Văn S để lại, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án thì tất cả các đồng thừa kế và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của các đồng thừa kế không có ai tranh chấp về hàng thừa kế và đều thừa nhận ½ căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F của ông Nguyễn Văn S để lại là chưa chia và nay đều đồng ý yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật. Do vậy ½ căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F là di sản của ông Nguyễn Văn S để lại trở thành tài sản chung của các thừa kế.

Vào năm 2006 thì bà Thái Thị L chết do vậy ½ căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F là di sản thừa kế của bà Thái Thị L. Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế và tài sản thuộc sở hữu chung đối với nhà, đất 203 VT, Phường H, Quận F cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào bản vẽ hiện trạng của Công ty TNHH thiết kế xây dựng LH đã được Ủy ban nhân dân Quận F thẩm định ngày 03/10/2014 thì căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F có diện tích đất là 85,72m^2, tổng diện tích xây dựng là : 104,43m^2. Vào ngày 02/11/2016 Hội đồng định giá đã tiến hành định giá tài sản đối với nhà đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F như sau : giá trị đất là : 3.771.680.000đ (Ba tỷ bảy trăm bảy mươi mốt triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng) , giá trị nhà là : 212.743.960đ (Hai trăm mười hai triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm sáu mươi đồng). Tổng giá trị nhà và đất là : 3.984.423.960đ (Ba tỷ chín trăm tám mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi ba ngàn, chín trăm sáu mươi đồng)

Nhà và đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F là tài sản chung của ông S và bà L. Do vậy, phần di sản của ông S và bà L mỗi người là 50% giá trị nhà, đất : 3.984.423.960đ x 50% = 1.992.211.980đ (Một tỷ chín trăm chín mươi hai triệu hai trăm mười một ngàn chín trăm tám mươi đồng).

Theo như lời trình bày cũng như sự thừa nhận của các đương sự thì vào năm 1999 do ông Nguyễn Hùng D đã được chia phần thừa kế của cha mẹ từ căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì tất cả các đồng thừa kế đều thống nhất tiếp tục chia cho ông Nguyễn Hùng D một suất thừa kế và tài sản chung từ di sản của cha mẹ để lại như các anh chị em. Ông D đã chết nên vợ con của ông D sẽ được hưởng phần của ông D để lại. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và sẽ chia cho ông D một suất tài sản chung và suất thừa kế từ di sản của ông S và bà L để lại bằng với suất của các người thừa kế của ông S và bà L.

Tại bản tự khai không đề ngày tháng năm 2014 ông Nguyễn Hùng H có yêu cầu được nhận lại 31 lượng vàng SJC mà ông đã bỏ ra sửa chữa nhà 203 VT, Phường H, Quận F và 11,4 lượng vàng SJC mà ông đã thay mặt mẹ ông là bà L ứng trả trước phần thừa kế cho ông Nguyễn Hùng D. Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 21/11/2014 Tòa án đã tống đạt cho ông H Thông báo số 79/2014/TB-TA ngày 20/11/2014 của Tòa án nhân dân Quận 6 về yêu cầu phản tố của bị đơn và đã thông báo cho ông H biết nếu ông có yêu cầu được nhận lại 31 lượng vàng SJC mà ông đã bỏ ra sửa chữa nhà 203 VT, Phường H, Quận F và 11,4 lượng vàng SJC mà ông đã thay mặt mẹ ông là bà L ứng trả trước phần thừa kế cho ông Nguyễn Hùng D thì ông phải làm đơn yêu cầu phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật thì Tòa án mới xem xét giải quyết. Tuy nhiên, kể từ khi nhận được thông báo của Tòa án cho đến trước thời điểm Tòa án mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 30/8/2017 thì ông H vẫn không có đơn yêu cầu phản tố gửi cho Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu này của ông H.

[3] Đối với việc chia tài sản thuộc sở hữu chung là ½ căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F là di sản của ông Nguyễn Văn S để lại như sau :

Ông Nguyễn Văn S chết năm 1979 nên những người thừa kế của ông Nguyễn Văn S gồm : bà Thái Thị L, ông Nguyễn Văn T2 , bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L,bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hồng A, ông Nguyễn Hồng C ông Nguyễn Hùng D, ông Nguyễn Hùng H, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị C (con riêng của ông S) mỗi người sẽ được hưởng một suất tài sản chung của ông Sơn để lại bằng nhau là:

1.992.211.980đ : 11 = 181.110.180 đồng (Một trăm tám mươi mốt triệu, một trăm mười ngàn, một trăm tám mươi đồng) tương đương 4,55% giá trị nhà, đất **(1)**.

Bà Nguyễn Thị C là con riêng của ông Nguyễn Văn S đã chết vào năm 1996 nên những người thừa kế của bà C gồm : bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Ánh T, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B mỗi người được

hưởng một phần di sản thừa kế của bà C để lại bằng nhau (phần tài sản bà C được nhận từ ông Nguyễn Văn S) là:

181.110.180đ : 5 = 36.222.036đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi hai ngàn không trăm ba mươi sáu đồng) tương đương 0,91% giá trị nhà, đất **(2).**

[4] Đối với phần di sản của bà Nguyễn Thị H (chết năm 1995) và bà Nguyễn Thị L (chết năm 1984)

- Bà Nguyễn Thị H chết năm 1995 (chết trước mẹ là bà Thái Thị L). Bà Nguyễn Thị H có 05 người con là bà Trần Thị Diễm T, bà Trần Thị Bội N, bà Phan Thị Bạch T, bà Phan Thị Thanh T, ông Phan Anh T (ông T đã chết vào tháng 4/2017) ông T không có vợ con nên không có người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Anh T. Phần tài sản chung mà bà H được nhận từ ông Nguyễn Văn S sẽ được chia cho những người thừa kế của bà H gồm bà Thái Thị L, bà Trần Thị Diễm T, bà Trần Thị Bội N, bà Phan Thị Bạch T, bà Phan Thị Thanh T mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là :

181.110.180đ : 5 = 36.222.036đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi hai ngàn không trăm ba mươi sáu đồng) tương đương 0,91% giá trị nhà và đất.

- Bà Nguyễn Thị L chết năm 1984 (chết trước mẹ là bà Thái Thị L) nên phần tài sản mà bà L được nhận từ ông Nguyễn Văn S sẽ được chia cho những người thừa kế của bà H gồm bà Thái Thị L, ông Lê Công M, ông Lê Công P mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là :

181.110.180đ : 3 = 60.370.060đ (Sáu mươi triệu ba trăm bảy mươi ngàn không trăm sáu mươi đồng) tương đương 1,52% giá trị nhà và đất.

Vào ngày 14/11/2014 ông Lê Công M đã có đơn xin nhường toàn bộ phần thừa kế mà ông được nhận từ bà L cho ông P được hưởng và ông P cũng đồng ý nhận. Vợ con của ông Lê Công M là bà Nguyễn Thị Liên H, bà Lê Mỹ H và ông Lê Công H cũng đồng ý về việc ông M nhường toàn bộ phần thừa kế của ông M được nhận từ bà L cho lại ông P và không có tranh chấp gì. Như vậy, ngoài phần di sản mà ông P được nhận từ bà L thì ông P còn được nhận thêm phần của ông Lê Công M nhường lại tổng cộng là : 120.740.120đ (Một trăm hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi ngàn một trăm hai mươi đồng) tương đương 3,04% giá trị nhà và đất.

[5] Đối với phần di sản thừa kế của bà Thái Thị L để lại là ½ căn nhà, đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F và một suất tài sản chung bà L được nhận từ ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H tổng cộng là :

1.992.211.980đ + 181.110.180đ + 36.222.036đ + 60.370.000 = 2.269.914.196đ (Hai tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm mười bốn ngàn, một trăm chín mươi sáu đồng) tương đương 56,98% giá trị nhà, đất.

Những người thừa kế của bà Thái Thị L gồm : ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hồng A, ông Nguyễn Hồng C, ông Nguyễn Hùng D, ông Nguyễn Hùng H, bà Nguyễn Thị Ngọc N.

Phần di sản thừa kế của bà Thái Thị L sẽ được chia làm 09 phần bằng nhau là : 2.269.914.196 : 9 = 252.212.688 đồng.

Ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hồng A, ông Nguyễn Hồng C, ông Nguyễn Hùng D, ông Nguyễn Hùng H, bà Nguyễn Thị Ngọc N mỗi người được hưởng một suất bằng nhau là: 252.212.688 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu, hai trăm mười hai ngàn, sáu trăm tám mươi tám đồng) tương đương 6,33% giá trị nhà, đất.

Bà Nguyễn Thị H (chết năm 1995) và bà Nguyễn Thị L (chết năm 1984) chết trước bà Thái Thị L (chết năm 2006). Theo quy định tại Điều 677 Bộ luật dân sự 2005 quy định về thừa kế thế vị như sau : " Trong trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống...". Như vậy, các con của bà Nguyễn Thị H và con của bà Nguyễn Thị L sẽ được hưởng phần thừa kế thế vị từ di sản của bà Thái Thị L để lại mà nếu như bà H và bà L còn sống thì bà H và bà L sẽ được hưởng.

Như vậy, ông Lê Công P là con của bà Nguyễn Thị L được nhận một suất thừa kế thế vị là : 252.212.688 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu, hai trăm mười hai ngàn, sáu trăm tám mươi tám đồng) tương đương 6,33% giá trị nhà, đất.

Bà Trần Thị Diễm T, bà Trần Thị Bội N, bà Phan Thị Bạch T, bà Phan Thị Thanh T mỗi hưởng được hưởng bằng nhau từ một suất thừa kế thế vị của bà Thái Thị L để lại là : 252.212.688đ : 4 = 63.053.172 đồng tương đương 1,58% giá trị nhà và đất.

Như vậy :

- Ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hồng A, ông Nguyễn Hồng C, ông Nguyễn Hùng D, ông Nguyễn Hùng H, bà Nguyễn Thị Ngọc N được phần tài sản chung từ ông Nguyễn Văn S và phần thừa kế từ và bà Thái Thị L tổng cộng là:

252.212.688đ + 181.110.180đ = 433.322.868đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu, ba trăm hai mươi hai ngàn, tám trăm sáu mươi tám đồng) tương đương 10,88% giá trị nhà và đất **(3)**.

- Ông Lê Công P được nhận tổng cộng là :

252.212.688đ + 120.740.120 = 372.952.808đ (Ba trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn, tám trăm lẻ tám đồng) tương đương 9,37% giá trị nhà, đất **(4)**

- Bà Trần Thị Diễm T, bà Trần Thị Bội N, bà Phan Thị Bạch T, bà Phan Thị Thanh T mỗi người được nhận tổng cộng là : 63.053.172đ + 36.222.036đ = 99.275.208đ (Chín mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn, hai trăm lẻ tám đồng) tương đương 2,49% giá trị nhà và đất **(5)**.

- Vào năm 2015 ông Nguyễn Văn T2 chết. Ông T2 chung sống với bà Trương Liên H vào năm 1964, ông T2 và bà Liên H có với nhau 06 người con

chung là : ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Bình M, bà Nguyễn Thị Ngọc M và bà Nguyễn Thị Mỹ H. Đến năm 1975 ông T2 chung sống với bà Châu Thị Huỳnh H và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 070/HNGĐ, quyển số 2 do Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VL (nay là huyện HB), thị xã BL cấp ngày 09/10/1990, ông T2 và bà Huỳnh H có với nhau 03 người con chung là: Nguyễn Châu Mỹ L, Nguyễn Châu Đình H, Nguyễn Châu Đình P. Theo bà Liên H trình bày thì bà và ông T2 chưa làm thủ tục ly hôn nhưng đến năm 1975 thì ông T2 lại tiếp tục chung sống với bà Châu Thị Huỳnh H. Tuy nhiên, nay bà Trương Liên H và các con của bà Trương Liên H cũng không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân giữa bà Châu Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Văn T2. Tại bản trình bày ý kiến ngày 02/8/2017 bà Trương Liên H cùng các con của bà Trương Liên H đều xác định bà Châu Thị Huỳnh H là hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 nên được nhận phần di sản thừa kế của ông T2 để lại.

Đồng thời tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Liên H, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Bình M, bà Nguyễn Thị Mỹ C đồng ý và đề nghị Tòa án chia cho bà Châu Thị Huỳnh H một phần thừa kế từ phần di sản thừa kế mà ông T2 được nhận từ cha mẹ ông T2 bằng với các đồng thừa kế của ông T2.

Hội đồng xét xử xét thấy, do các bên đều không yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn giữa ông Nguyễn Văn T2 và bà Châu Thị Huỳnh H, đồng thời các đương sự không có tranh chấp về hàng thừa kế của ông T2. Bà Trương Liên H và các con của bà Trương Liên H đồng ý và đề nghị Tòa án chia cho bà Châu Thị Huỳnh H một phần thừa kế từ phần di sản thừa kế mà ông T2 được nhận từ cha mẹ ông T2 để lại mà nếu ông T2 còn sống thì ông T2 sẽ được nhận bằng với các đồng thừa kế của ông T2. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, phần di sản thừa kế và tài sản chung mà ông T2 được nhận từ ông Nguyễn Văn S và bà Thái Thị L sẽ được chia cho các đồng thừa kế của ông T2 gồm: bà Trương Liên H, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Bình M, bà Nguyễn Thị Ngọc M , bà Nguyễn Thị Mỹ H, bà Châu Thị Huỳnh H, bà Nguyễn Châu Mỹ L, ông Nguyễn Châu Đình H, ông Nguyễn Châu Đình P mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là:

433.322.868đ : 11 = 39.392.988đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, chín trăm tám mươi tám đồng) tương đương 0,99% giá trị nhà và đất.

- Vào năm 2013 ông Nguyễn Hùng D chết nên những người thừa kế của ông D gồm bà Trần Thị H, ông Nguyễn Trần Thanh V, ông Nguyễn Trần Thanh B, ông Nguyễn Trần Bảo L mỗi người được hưởng một suất thừa kế của ông D để lại bằng nhau là:

433.322.868đ : 4 = 108.330.717đ (Một trăm lẻ tám triệu, ba trăm ba mươi ngàn, bảy trăm mười bảy đồng) tương đương 2,72% giá trị nhà và đất.

- Vào năm 2015 ông Nguyễn Hồng A chết nên người thừa kế của ông A là ông Nguyễn Bình Đ được nhận phần thừa kế và tài sản chung của ông A để lại là : 433.322.868đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu, ba trăm hai mươi hai ngàn, tám trăm sáu mươi tám đồng) tương đương 10,88% giá trị nhà và đất.

[6] Về việc tặng cho phần thừa kế của các đương sự :

Vào ngày 01/9/2017 và ngày 06/9/2017 ông Nguyễn Bình Đ, bà Châu Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Châu Đình P, bà Nguyễn Châu Mỹ L có đơn xin nhường toàn bộ phần thừa kế di sản và tài sản chung mà các ông bà được nhận cho bà Nguyễn Thị P được hưởng.

Tại bản tự khai không đề ngày tháng năm 2013 của bà Trần Thị Diễm T, bà Trần Thị Bội N và đơn xin nhường phần thừa kế và tài sản chung các ngày 16/5/2013, 22/12/2016, 30/8/2017 của bà Phan Thị Thanh T, bà Phan Thị Bạch T, ông Lương Công P, ông Nguyễn Hồng C, ông Nguyễn Hùng H, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Trần Thanh V, ông Nguyễn Trần Thanh B, ông Nguyễn Trần Bảo L có nguyện vọng nhường toàn bộ phần thừa kế di sản và tài sản chung mà các ông bà được nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc N được hưởng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc các đương sự tự nguyện tặng cho lại toàn bộ phần tài sản chung và phần thừa kế mà mình được nhận cho lại bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị Ngọc N là thể hiện ý chí tự nguyện của đương sự, việc này không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bà P và bà N cũng đều đồng ý nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Như vậy, tổng giá trị kỷ phần thừa kế và tài sản chung mà bà Nguyễn Thị P được nhận bao gồm : phần tài sản chung và thừa kế bà P được nhận từ cha mẹ, phần thừa kế của ông Nguyễn Bình Đ, bà Châu Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Châu Đình P, bà Nguyễn Châu Mỹ L tặng cho tổng cộng là :

433.322.868đ + 433.322.868đ + (39.392.988đ x3) = 984.824.700đ (Chín trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, bảy trăm đồng) tương đương 24,73% giá trị nhà và đất **(6)**.

- Tổng giá trị kỷ phần thừa kế và tài sản chung mà bà Nguyễn Thị Ngọc N được nhận bao gồm : phần tài sản chung và thừa kế bà N được nhận từ cha mẹ, phần thừa kế tặng cho của bà Phan Thị Thanh T, bà Phan Thị Bạch T, bà Trần Thị Bội N, bà Trần Thị Diễm T, ông Lê Công P, ông Nguyễn Hồng C, ông Nguyễn Hùng H, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Trần Thanh V, ông Nguyễn Trần Thanh B, ông Nguyễn Trần Bảo L tổng cộng là :

433.322.868đ + (99.275.208đ x 4) + 372.952.808đ + 433.322.868đ + 433.322.868đ + 433.322.868đ = 2.503.345.112đ (Hai tỷ, năm trăm lẻ ba triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn, một trăm mười hai đồng) tương đương 62,85% giá trị nhà và đất **(7).**

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu được nhận căn nhà, đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F và sẽ hoàn lại tiền cho các đồng thừa kế theo kỷ phần thừa kế và tài sản chung mà các đồng thừa kế được nhận ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, từ năm 2006 đến

nay thì bà N là người trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F. Mặt khác các đồng thừa kế còn lại không ai có nhu cầu nhận nhà và đều xin nhận tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F cho bà N được sở hữu là hoàn toàn hợp lý. Đồng thời bà N có trách nhiệm hoàn lại tiền cho các đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị P, bà Trương Liên H, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Bình M, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Châu Đình H, bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Ánh T, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà N được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà, đất số 203 VT, Phường H, Quận F theo quy định của pháp luật sau khi đã thực hiện xong các nghĩa vụ nói trên và nghĩa vụ đối với nhà nước.

Nếu quá thời hạn thi hành nói trên mà bà Nguyễn Thị Ngọc N không có khả năng thi hành hoặc chưa thi hành nghĩa vụ đối với bà Nguyễn Thị P, bà Trương Liên H, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Bình M, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Châu Đình H, bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Ánh T, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B thì các ông bà có tên nêu trên có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi căn nhà nhà và đất tại địa chỉ số 203 VT, Phường H, Quận F sau khi trừ đi các chi phí cho việc phát mãi nhà thì số tiền còn lại bao nhiêu sẽ chia cho các đương sự theo tỷ lệ đã phân tích ở phần trên

[7] Về tiền chi phí định giá và chi phí lập bản vẽ hiện trạng nhà, đất số 203 VT, Phường H, Quận F.

Vào ngày 24/10/2014 bà Nguyễn Thị P có nộp tiền tạm ứng chi phí định giá căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F với số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng). Tại phiên tòa hôm nay bà P tự nguyện nộp số tiền chi phí định giá căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vào ngày 04/12/2013 bà Nguyễn Thị Ngọc N có đóng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho công ty TNHH thiết kế xây dựng LH cho việc lập bản vẽ hiện trạng căn nhà 203 VT, Phường H, Quận F. Tại phiên tòa hôm nay bà N tự nguyện đóng số tiền chi phí cho việc lập bản vẽ hiện trạng nhà, đất 203 VT, Phường H, Quận F nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có nộp cho Hội đồng xét xử đơn xin giảm án phí. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 quy định : " Người có khó khăn về kinh tế được Ủy ban nhân dân xã, phường nơi người đó cư trú xác nhận, thì được Tòa án cho miễn nộp một phần tiền án phí". Tuy nhiên, tại phần xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường H, Quận F ngày 12/9/2017 đã không xác

nhận nội dung bà P là người có khó khăn về kinh tế mà chỉ thể hiện việc xác nhận chữ ký của tổ trưởng tổ dân phố. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xét giảm một phần án phí cho bà P.

- Bà Nguyễn Thị P phải nộp án phí là: 36.000.000đ + 3% (984.824.700đ - 800.000.000đ) = 41.545.000 đồng (làm tròn)

- Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải nộp án phí là: 72.000.000đ + 2% (2.503.345.112đ – 2.000.000.000đ) = 82.067.000 đồng (làm tròn)

- Bà Trương Liên H, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Bình M, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Châu Đình H mỗi người phải nộp án phí là: 39.392.988đ x 5% = 1.970.000 đồng (làm tròn)

- Bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Ánh T, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B mỗi người phải nộp án phí là: 36.222.036đ x 5% = 1.811.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5, 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 224, 634, 635, 674, 675, 676, 677, 685 Bộ luật dân sự 2005; Mục 2.4 Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân Tối cao ngày 10/8/2004 ; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Xác định căn nhà và đất tại địa chỉ số 203 VT, phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thuộc sở hữu chung của ông Nguyễn Văn S (chết năm 1979) và bà Thái Thị L (chết năm 2006).

2/ Xác định ½ căn nhà và đất tại địa chỉ số 203 VT, phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thuộc sở hữu chung của ông Nguyễn Văn S (chết năm 1979) và ½ căn nhà và đất tại địa chỉ số 203 VT, phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của bà Thái Thị L.

3/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc chia di sản thừa kế và tài sản thuộc sở hữu chung đối với căn nhà và đất tại địa chỉ số 203 VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn S gồm: bà Thái Thị L, bà Nguyễn Thị C (chết năm 1996), ông Nguyễn Văn T2 (chết năm 2015), bà Nguyễn Thị H (chết năm 1995), bà Nguyễn Thị L (chết năm 1984), bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hồng A (chết năm 2015), ông Nguyễn Hồng C, ông Nguyễn Hùng D (chết năm 2013), ông Nguyễn Hùng H, bà Nguyễn Thị Ngọc N.

- Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của bà Thái Thị L gồm: ông Nguyễn Văn T2 (chết năm 2015), bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hồng A (chết năm 2015), ông Nguyễn Hồng C, ông Nguyễn Hùng D (chết năm 2013), ông Nguyễn Hùng H, bà Nguyễn Thị Ngọc N.

- Xác định thừa kế thế vị của bà Thái Thị L gồm: ông Lê Công P, bà Trần Thị Diễm T, bà Trần Thị Bội N, bà Phan Thị Bạch T, bà Phan Thị Thanh T.

- Xác định hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị C gồm: ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị B, bà Lê Thị Ánh T, bà Nguyễn Thị N.

- Xác định hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị H gồm: bà Trần Thị Diễm T, bà Trần Thị Bội N, bà Phan Thị Bạch T, bà Phan Thị Thanh T

- Xác định hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị L gồm : ông Lê Công M (chết năm 2015) và ông Lê Công P.

- Xác định hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 gồm : bà Trương Liên H, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Bình M, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, bà Châu Thị Huỳnh H, bà Nguyễn Châu Mỹ L, ông Nguyễn Châu Đình H, ông Nguyễn Châu Đình P.

- Xác định hàng thừa kế của ông Nguyễn Hồng A là ông Nguyễn Bình Đ.

- Xác định hàng thừa kế của ông Nguyễn Hùng D gồm: bà Trần Thị H, ông Nguyễn Trần Thanh V, ông Nguyễn Trần Thanh B, ông Nguyễn Trần Bảo L.

4/ Đối với tài sản thuộc sở hữu chung là ½ căn nhà và đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F là di sản của ông Nguyễn Văn S để lại được phân chia như sau:

4.1. Bà Thái Thị L, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hồng A, ông Nguyễn Hồng C, ông Nguyễn Hùng D, ông Nguyễn Hùng H, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị C mỗi người sẽ được hưởng một suất tài sản chung của ông S để lại bằng nhau là: 181.110.180 đồng (Một trăm tám mươi mốt triệu, một trăm mười ngàn, một trăm tám mươi đồng) tương đương 4,55% giá trị nhà và đất.

4.2. Những người thừa kế của bà Nguyễn Thị C gồm : bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Ánh T, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B mỗi người được hưởng một phần di sản thừa kế của bà C để lại bằng nhau (phần tài sản chung bà C được nhận từ ông Nguyễn Văn S) là: 36.222.036đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi hai ngàn không trăm ba mươi sáu đồng) tương đương 0,91% giá trị nhà và đất.

4.3. Những người thừa kế của bà Nguyễn Thị H (chết năm 1995) gồm : bà Thái Thị L, bà Trần Thị Diễm T, bà Trần Thị Bội N, bà Phan Thị Bạch T, bà Phan Thị Thanh T mỗi người được hưởng một phần bằng nhau là : 36.222.036đ (Ba mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi hai ngàn ,không trăm ba mươi sáu đồng) tương đương 0,91% giá trị nhà và đất.

4.4 Những người thừa kế của bà Nguyễn Thị L (chết năm 1984) gồm : bà Thái Thị L, ông Lê Công M, ông Lê Công P mỗi người được hưởng một phần

bằng nhau là : 60.370.060đ (Sáu mươi triệu, ba trăm bảy mươi ngàn, không trăm sáu mươi đồng) tương đương 1,52% giá trị nhà và đất.

4.5 Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Công M tặng cho phần thừa kế của ông M được hưởng cho ông Lê Công P. Ông Lê Công P được nhận tổng cộng là : 120.740.120đ (Một trăm hai mươi triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn, một trăm hai mươi đồng) tương đương 3,04% giá trị nhà và đất.

5. Đối với phần di sản thừa kế của bà Thái Thị L để lại là ½ căn nhà, đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F được phân chia như sau :.

5.1. Ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hồng A, ông Nguyễn Hồng C, ông Nguyễn Hùng D, ông Nguyễn Hùng H, bà Nguyễn Thị Ngọc N mỗi người được hưởng một suất thừa kế bằng nhau là: 252.212.688 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu, hai trăm mười hai ngàn, sáu trăm tám mươi tám đồng) tương đương 6,33% giá trị nhà, đất.

5.2. Ông Lê Công P là con của bà Nguyễn Thị L được nhận một suất thừa kế thế vị của bà Thái Thị L là : 252.212.688 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu, hai trăm mười hai ngàn, sáu trăm tám mươi tám đồng) tương đương 6,33% giá trị nhà, đất.

5.3. Bà Trần Thị Diễm T, bà Trần Thị Bội N, bà Phan Thị Bạch T, bà Phan Thị Thanh T là con của bà Nguyễn Thị H mỗi hưởng được hưởng một suất thừa kế thế vị bằng nhau của bà Thái Thị L là : 63.053.172đ (Sáu mươi ba triệu, không trăm năm mươi ba ngàn, một trăm bảy mươi hai đồng) tương đương 1,58% giá trị nhà và đất.

6. Những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 (chết năm 2015) gồm: bà Trương Liên H, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Bình M, bà Nguyễn Thị Ngọc M , bà Nguyễn Thị Mỹ H, bà Châu Thị Huỳnh H, bà Nguyễn Châu Mỹ L, ông Nguyễn Châu Đình H, ông Nguyễn Châu Đình P mỗi người được hưởng một suất thừa kế bằng nhau là: 39.392.988đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, chín trăm tám mươi tám đồng) tương đương 0,99% giá trị nhà và đất.

7. Những người thừa kế của ông Nguyễn Hùng D (chết năm 2013) : gồm bà Trần Thị H, ông Nguyễn Trần Thanh V, ông Nguyễn Trần Thanh B, ông Nguyễn Trần Bảo L mỗi người được hưởng một suất thừa kế của ông D để lại bằng nhau là: 108.330.717đ (Một trăm lẻ tám triệu, ba trăm ba mươi ngàn, bảy trăm mười bảy đồng) tương đương 2,72% giá trị nhà và đất.

8. Người thừa kế của ông Nguyễn Hồng A (chết năm 2015) là ông Nguyễn Bình Đ được hưởng suất thừa kế và suất tài sản chung của ông A để lại là : 252.212.688 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu, hai trăm mười hai ngàn, sáu trăm tám mươi tám đồng) tương đương 6,33% giá trị nhà, đất.

9. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Bình Đ, bà Châu Thị Huỳnh H, ông Nguyễn Châu Đình P, bà Nguyễn Châu Mỹ L tặng cho toàn bộ phần thừa kế di sản và tài sản chung mà các ông bà được nhận cho bà Nguyễn Thị P được hưởng.

Như vậy, giá trị kỷ phần thừa kế và tài sản chung mà bà Nguyễn Thị P được nhận tổng cộng là : 984.824.700đ (Chín trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, bảy trăm đồng) tương đương 24,73% giá trị nhà và đất.

10. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Diễm T, bà Trần Thị Bội N, bà Phan Thị Thanh T, bà Phan Thị Bạch T, ông Lương Công P, ông Nguyễn Hồng C, ông Nguyễn Hùng H, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Trần Thanh V, ông Nguyễn Trần Thanh B, ông Nguyễn Trần Bảo L tặng cho toàn bộ phần thừa kế di sản và tài sản chung mà các ông bà được nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc N được hưởng.

Như vậy, giá trị kỷ phần thừa kế và tài sản chung mà bà Nguyễn Thị Ngọc N được nhận tổng cộng là: 2.503.345.112đ (Hai tỷ, năm trăm lẻ ba triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn, một trăm mười hai đồng) tương đương 62,85% giá trị nhà và đất.

11. Giao toàn bộ căn nhà và đất tại địa chỉ số: 203 VT, phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Ngọc N được quyền sở hữu và bà Nguyễn Thị Ngọc N có trách nhiệm hoàn lại các kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo tỷ lệ như sau:

- Bà Nguyễn Thị P được nhận số tiền là : 984.824.700đ (Chín trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, bảy trăm đồng) tương đương 24,73% giá trị nhà và đất.

- Bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Ánh T, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B mỗi người được nhận số tiền là: 36.222.036đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi hai ngàn không trăm ba mươi sáu đồng) tương đương 0,91% giá trị nhà, đất.

- Bà Trương Liên H, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Bình M, bà Nguyễn Thị Ngọc M , bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Châu Đình H mỗi người được nhận số tiền là: 39.392.988đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, chín trăm tám mươi tám đồng) tương đương 0,99% giá trị nhà và đất.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

12. Bà Nguyễn Thị Ngọc N được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà và đất tại địa chỉ số: 203 VT, phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi đã thực hiện xong các nghĩa vụ nêu tại Điều 11 của quyết định này và nghĩa vụ đối với nhà nước.

13. Nếu quá thời hạn thi hành nói trên mà bà Nguyễn Thị Ngọc N không có khả năng thi hành hoặc chưa thi hành nghĩa vụ theo quy định tại Điều 11 của Quyết định này thì các ông bà có tên nêu tại Điều 11 của Quyết định này có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ số: 203 VT, Phường H, Quận F, TP. Hồ Chí Minh sau khi trừ đi các chi phí cho việc phát mãi nhà đất, số tiền còn lại bao nhiêu sẽ được chia theo tỷ lệ sau:

- Bà Nguyễn Thị P được nhận giá trị kỷ phần thừa kế theo tỷ lệ là : 24,73% giá trị nhà và đất.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc N được nhận giá trị kỷ phần thừa kế là : 62,85% giá trị nhà và đất.

- Bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Ánh T, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B mỗi người được nhận giá trị kỷ phần thừa kế là: 0,91% giá trị nhà, đất.

- Bà Trương Liên H, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Bình M, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Châu Đình H mỗi người được nhận giá trị kỷ phần thừa kế là: 0,99% giá trị nhà và đất.

14. Trong trường hợp phải phát mãi toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F, TP. HCM để thi hành án thì toàn bộ gia đình ông Nguyễn Hồng C, bà Khổng Thị Nam P, trẻ Nguyễn Khổng Ngọc L, bà Nguyễn Thị Ngọc N, ông Vũ Quang M có trách nhiệm thu dọn đồ đạc, tài sản ra khỏi nhà đất tại địa chỉ số 203 VT, Phường H, Quận F, TP. HCM để cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thủ tục phát mãi căn nhà trên theo quy định của pháp luật.

15. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị P về việc tự nguyện nộp 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho việc chi phí xác minh định giá nhà, đất tại địa chỉ 203 VT, Phường H, Quận F.

16. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc N tự nguyện đóng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chi phí lập bản vẽ hiện trạng nhà, đất 203 VT, Phường H, Quận F, TP. Hồ Chí Minh.

17. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị P phải nộp án phí là: 41.545.000đ (Bốn mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp là: 1.875.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 03405 ngày 11/3/2013 và số tiền 1.875.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 03406 ngày 11/3/2013. Bà P còn phải nộp thêm: 37.795.000đ (Ba mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải nộp án phí là: 82.067.000đ (Tám mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

- Bà Trương Liên H, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Bình M, bà Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Châu Đình H mỗi người phải nộp án phí là: 1.970.000đ (Một triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Ánh T, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B mỗi người phải nộp án phí là: 1.811.000đ (Một triệu tám trăm mười một ngàn đồng).

18. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

19. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhàn